

Số: 31/TB-KL

Tuy Đức, ngày 20 tháng 9 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân Đắk Nông, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Tuy Đức, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước với các nội dung như sau:

#### 1. Tổ chức có tài sản đấu giá: Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Tài sản đấu giá gồm: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước của Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Cụ thể như sau:

##### 2.1. Gỗ các loại:

- 29,299 m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ nhóm I, III, IV, V, VI, VII, VIII
- Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 72.858.000 đồng. *Bằng chữ: (Bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).*

##### 2.2. Tài sản khác:

- 04 xe máy độ chế, không biển kiểm soát và 02 máy cưa xăng.
- Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 2.300.000 đồng *(Hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).*

**Tổng cộng giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 75.158.000 đồng.**  
*Bằng chữ: (Bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).*

*(Kèm theo Biên bản xác định giá khởi điểm tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước ngày 17/9/2021)*

#### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

##### 3.1. Quy định về tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức quyết định, cụ thể như sau:





a. Cơ sở, vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản: Có trụ sở, địa chỉ cụ thể, rõ ràng, ổn định tại Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để đảm bảo cho việc đấu giá

b. Phương án đấu giá tài sản khả thi, hiệu quả: Tổ chức đấu giá tài sản phải xây dựng phương án đấu giá tài sản chi tiết phù hợp với tài sản đưa ra đấu giá.

c. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

- Tổ chức đấu giá tài sản được thành lập theo đúng quy định của pháp luật (có Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký hoạt động hoặc Quyết định thành lập);

- Có mô tả năng lực, kinh nghiệm và uy tín;

- Có tối thiểu 02 đấu giá viên (có bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên, Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng);

- Có tối thiểu 02 hợp đồng dịch vụ đấu giá thành công đối với tài sản là các loại gỗ và tang vật, phương tiện từ năm 2020 đến nay (có bản sao chứng thực hợp đồng và thanh lý hợp đồng kèm theo);

d. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp Đắk Nông công bố;

Ngoài các tiêu chí nêu trên, Bộ hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá bao gồm:

- Bản cam kết của tổ chức đấu giá về tiến độ thực hiện tổ chức đấu giá; cam kết về thời gian đăng thông báo đấu giá trên các báo - đài theo quy định;

- Các cam kết khác (nếu có);

đ. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

### **3.2. Quy định về lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

a. Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí tại điểm a, b, c, d mục 3.1 thì mới được tiếp tục đánh giá tiêu chí tại điểm đ mục 3.1 nêu trên. Nếu tổ chức đấu giá tài sản không đáp ứng một trong các tiêu chí tại điểm a, b, c, d mục 3.1 thì sẽ không được lựa chọn.

b. Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên cùng đáp ứng tất cả các tiêu chí tại điểm a, b, c, d, đ mục 3.1 nêu trên thì tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp hơn sẽ được chọn. Nếu có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên cùng có mức thù lao dịch vụ đấu giá bằng nhau thì tổ chức đấu giá nào có chi phí đấu giá tài sản thấp hơn sẽ được chọn.

**4. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:** Từ ngày 20/9/2021 đến 17 giờ ngày 24/9/2021 (trong giờ hành chính)



Địa chỉ: Bộ phận Hành chính tổng hợp, Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức – Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 02612 229 170.

Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Hạt Kiểm lâm lựa chọn.

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp (bttp.stp@daknong.gov.vn);
- Lãnh đạo Hạt;
- Trang TTĐT Quốc gia;
- Trang TTĐT của CCKL Đắk Nông;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐG.

**HẠT TRƯỞNG**



**Lê Đắc Thành**





## BIÊN BẢN

### Về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định tịch thu tang vật sung quỹ Nhà nước đã ban hành năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Tuy Đức, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Căn cứ tình trạng thực tế tại thời điểm.

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 17/9/2021. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Hội đồng đánh giá chất lượng gồm có:

#### I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Ông: Lê Phước Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Viết Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Ngọc Bình - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tuy Đức:

- Ông: Nguyễn Quốc Nguyên - Chức vụ: Thành viên hội đồng

Đã cùng nhau thống nhất đánh giá chất lượng lâm sản tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo các biên bản kiểm tra, Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2021, cụ thể như sau:

\* **Lâm sản: 29,299m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ nhóm I, III, IV, V, VI, VII, VIII**

- **Gỗ xẻ: 8,581 m<sup>3</sup>**

Gỗ Hương	Nhóm I	KL: 0,030m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 90%.
Gỗ Hồng đào	Nhóm IV	KL: 1,214m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ Gội tía	Nhóm IV	KL: 1,584m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 55%.

Gỗ Xoan đào	Nhóm VI	KL: 1,373m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 2,306m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VII	KL: 2,074m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 60%.
<b>- Gỗ tròn: 20,718 m<sup>3</sup></b>			
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 3,802m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 0,107m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ Chò xót	Nhóm V	KL: 3,678m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 1,582m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 3,661m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 5,660m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 1,134m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 1,094m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 65%.

**\* Phương tiện:**

- 04 chiếc xe máy độ chế, không có giấy tờ đăng ký theo quy định.

+ Tình trạng: Xe đã cũ, hư hỏng, không hoạt động được, không có biển số, không có giấy tờ đăng kiểm, chỉ bán phế liệu.

**\* Công cụ:**

- 02 máy cưa xăng, hiệu Stihl 381

+ Tình trạng: Máy cưa xăng Trung Quốc, máy cưa cũ, đã để lâu nên hư hỏng, rỉ sét, không nổ được, chỉ bán phế liệu.

Do khối lượng gỗ tịch thu trên là gỗ tròn, gỗ hộp có khối lượng lớn, khi phát hiện đã là gỗ cũ, không có kho bảo quản mà phải để ngoài trời, bị tác động thời tiết nắng, mưa trong thời gian dài. Vì vậy, gỗ bị cong, vênh, bọng, mục, nứt nẻ nhiều..... làm giảm chất lượng.

Biên bản kết thúc lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày, được thông qua nội dung đánh giá chất lượng, hội đồng nhất trí nội dung và cùng ký tên./.

**HẠT KIỂM LÂM**

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**



**Lê Phước Thành**



**Lê Đắc Thành**



**Lê Viết Thành**

**PHÒNG TƯ PHÁP**

**PHÒNG KINH TẾ & HT**

**PHÒNG NN & PTNT**



**Trịnh Trọng Thành**



**Nguyễn Quốc Nguyên**



**Lê Ngọc Bình**



## BIÊN BẢN

### Xác định giá khởi điểm tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-XĐCL ngày 17/9/2021, về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Hôm nay, ngày 17 tháng 9 năm 2021. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Chúng tôi gồm:

#### I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.
- Ông: Lê Phước Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Viết Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Ngọc Bình - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tuy Đức:

- Ông: Nguyễn Quốc Nguyên - Chức vụ: Thành viên hội đồng

Đã cùng nhau thống nhất xác định mức giá khởi điểm số lâm sản bán sung công quỹ Nhà nước theo các Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2021; cụ thể như sau (có bảng kê chi tiết kèm theo):

**\* Lâm sản: 29,299 m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ nhóm I, III, IV, V, VI, VII, VIII.**

STT	Nhóm gỗ	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Gỗ xẻ</b>	<b>8,581</b>	<b>33.808.544</b>
1	Nhóm I	0,030	324.000
2	Nhóm IV	2,798	16.366.720
3	Nhóm V-VIII	5,753	17.117.824

<b>II</b>	<b>Gỗ tròn</b>	<b>20,718</b>	<b>39.049.276</b>
1	Nhóm III	3,909	12.829.080
2	Nhóm V - VIII	16,809	26.220.196
<b>Tổng gỗ tròn, gỗ xẻ (I+II)</b>		<b>29,299</b>	<b>72.857.820</b>
<b>Làm tròn</b>			<b>72.858.000</b>

\* Phương tiện, công cụ dụng cụ: 04 xe máy độ chế, không biển kiểm soát và 02 máy cưa xăng.

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền (đồng)
1	Xe máy độ chế, không biển kiểm soát	Chiếc	04	1.800.000
2	Máy cưa xăng cũ, nhãn hiệu Stihl 381	Cái	02	500.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>06</b>	<b>2.300.000</b>

**Tổng giá trị: 75.158.000 đồng . Bằng chữ: (Bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).**

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã thông nội dung; hội đồng thống nhất và ký tên./.

**HẠT KIỂM LÂM**

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**




*Lê Thị Hồng Nhung*

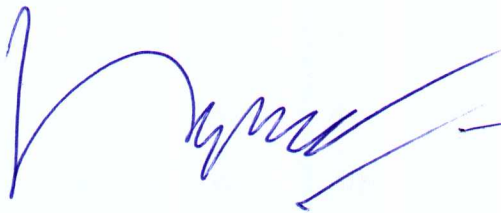
*Lê Đức Thành*

*Lê Việt Thành*

**PHÒNG TƯ PHÁP**

**PHÒNG KINH TẾ & HT**

**PHÒNG NN & PTNT**







*Trịnh Trọng Thành*

*Nguyễn Quốc Nguyên*

*Lê Ngọc Bình*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN TỊCH THU**

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 02/BB-ĐG ngày 17/9/2021)

STT	Tên tài sản	Khối lượng m3/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND (đồng)	Hệ số quy đổi	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Quyết định xử lý		Biên bản VPHC		Ghi chú
								Số	Ngày	Số	Ngày	
<b>A</b>	<b>GỖ NHÓM I</b>	<b>0,030</b>				<b>324.000</b>						
1	Gỗ xẻ Hương nhóm I	0,030	90%	7.500.000	1,6	324.000	Trạm KLĐB Quảng Trục	001299/QĐ-XPVPHC	12/05/2021	001737/BB-VPHC	10/05/2021	06 cục
<b>B</b>	<b>GỖ NHÓM III</b>	<b>3,909</b>				<b>12.829.080</b>						
1	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	0,107	60%	4.400.000	1,0	282.480	Chốt QLBR Đăk Ngo	000180/QĐ-TTTVPT	29/04/2021	001688/BB-VPHC	30/03/2021	01 lóng
2	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	3,802	75%	4.400.000	1,0	12.546.600	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000187/QĐ-TTTVPT	26/07/2021	001659/BB-VPHC	23/06/2021	07 lóng
<b>C</b>	<b>GỖ NHÓM IV</b>	<b>2,798</b>				<b>16.366.720</b>						
1	Gỗ xẻ Hồng đào nhóm IV	0,224	80%	2.500.000	1,6	716.800	Trạm KLĐB Quảng Trục	000184/QĐ-TTTVPT	08/07/2021	001739/BB-VPHC	09/06/2021	01 hộp
	Gỗ xẻ Hồng đào nhóm IV	0,990	80%	5.200.000	1,6	6.589.440						02 hộp
2	Gỗ xẻ Gội tía nhóm IV	1,584	55%	6.500.000	1,6	9.060.480	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000188/QĐ-TTTVPT	16/08/2021	001661/BB-VPHC	17/07/2021	02 hộp
<b>D</b>	<b>GỖ NHÓM V - VIII</b>	<b>22,562</b>				<b>43.338.020</b>						
1	Gỗ xẻ SP nhóm VI	0,960	60%	3.500.000	1,6	3.225.600	Trạm KLĐB Quảng Trục	001298/QĐ-XPVPHC	15/04/2021	001723/BB-VPHC	12/04/2021	01 hộp
2	Gỗ tròn SP nhóm VI, D<25cm	0,271	60%	1.300.000	1,0	211.380	Chốt QLBR Đăk Ngo	000179/QĐ-TTTVPT	29/04/2021	001689/BB-VPHC	30/03/2021	01 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,863	60%	2.000.000	1,0	1.035.600						02 lóng
3	Gỗ xẻ SP nhóm VII	1,454	60%	2.000.000	1,6	2.791.680	Chốt QLBR Đăk Ngo	000180/QĐ-TTTVPT	29/04/2021	001688/BB-VPHC	30/03/2021	04 hộp
	Gỗ xẻ SP nhóm VII	0,620	60%	3.500.000	1,6	2.083.200						01 hộp
4	Gỗ xẻ SP nhóm VI	0,662	60%	2.000.000	1,6	1.271.040	Trạm KLĐB Quảng Trục	000181/QĐ-TTTVPT	13/05/2021	001724/BB-VPHC	12/04/2021	01 hộp
	Gỗ xẻ SP nhóm VI	0,684	60%	3.500.000	1,6	2.298.240						01 hộp
5	Gỗ xẻ Xoan đào nhóm VI	1,373	80%	3.100.000	1,6	5.448.064	Trạm KLĐB Quảng Trục	000182/QĐ-TTTVPT	17/05/2021	001725/BB-VPHC	15/04/2021	03 hộp



STT	Tên tài sản	Khối lượng m3/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND (đồng)	Hệ số quy đổi	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Quyết định xử lý		Biên bản VPHC		Ghi chú
								Số	Ngày	Số	Ngày	
6	Gỗ tròn SP nhóm V, 25cm=<D<50cm	1,582	70%	2.500.000	1,0	2.768.500	Trạm KLDB Quảng Trục	001300/QĐ-XPVPHC	20/05/2021	001738/BB-VPHC	19/05/2021	05 lóng
7	Gỗ tròn Chò xốt nhóm V	3,678	70%	2.550.000	1,0	6.565.230	Trạm KLDB Quảng Trục	000183/QĐ-TTTVPT	26/05/2021	001735/BB-VPHC	26/04/2021	05 lóng
8	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	1,488	80%	2.000.000	1,0	2.380.800	Trạm KLDB Quảng Trục	000301/QĐ-TTTVPT	08/06/2021	001736/BB-VPHC	08/05/2021	05 lóng
9	Gỗ tròn SP nhóm VIII, D>=25cm	1,094	65%	1.960.000	1,0	1.393.756	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000600/QĐ-TTTVPT	08/07/2021	001657/BB-VPHC	09/06/2021	01 lóng
10	Gỗ tròn SP nhóm VI, D<25cm	0,243	80%	1.300.000	1,0	252.720	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000185/QĐ-TTTVPT	08/07/2021	001658/BB-VPHC	09/06/2021	02 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	1,360	80%	2.000.000	1,0	2.176.000						05 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, D>=50cm	0,570	80%	3.500.000	1,0	1.596.000						01 lóng
11	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	4,945	70%	2.000.000	1,0	6.923.000	Trạm KLDB Đắk Zen	000186/QĐ-TTTVPT	12/07/2021	001197/BB-VPHC	11/06/2021	14 lóng
12	Gỗ tròn SP nhóm VI, D<25cm	0,171	70%	1.300.000	1,0	155.610	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000302/QĐ-TTTVPT	26/07/2021	001660/BB-VPHC	25/06/2021	02 lóng
	Gỗ tròn SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,544	70%	2.000.000	1,0	761.600						02 lóng
<b>Cộng lâm sản</b>		<b>29,299</b>				<b>72.857.820</b>						
<b>Tổng tiền làm tròn</b>						<b>72.858.000</b>						

Số tiền ghi bằng chữ: ( Bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).

Phòng Nông nghiệp & PTNT

Phòng Kinh tế -HT


Phòng Tài chính - Kế hoạch


Phòng Tư pháp


Tuy Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2021


Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức

  
Lê Ngọc Bình

  
Nguyễn Quốc Nguyên

  
Lê Việt Thành

  
Trịnh Trọng Thành

  
Lê Thị Hồng Nhung

  
Lê Đắc Thành



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN**

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 02/BB-ĐG ngày 17/9/2021)

STT	Quyết định xử lý		Biên bản VPHC		ĐVT	Phương tiện	Công cụ	Chủng loại, nhãn hiệu, biển số	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Số	Ngày	Số	Ngày						
01	001298/QĐ-XPVPHC	15/04/2021	001723/BB-VPHC	12/04/2021	Cái		01	Máy cưa xăng, hiệu Stihl 381	250.000	
02	001299/QĐ-XPVPHC	12/05/2021	001737/BB-VPHC	10/05/2021	Chiếc	01		Xe máy độ chế, không biển kiểm soát	450.000	
03	000182/QĐ-TTTVPT	17/05/2021	001725/BB-VPHC	15/04/2021	Chiếc	03		Xe máy độ chế, không biển kiểm soát	1.350.000	
					Cái		01	Máy cưa xăng cũ Trung Quốc, hiệu Stihl 381	250.000	
<b>Tổng cộng</b>						<b>04</b>	<b>02</b>		<b>2.300.000</b>	

Số tiền ghi bằng chữ: (Hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

**HẠT KIỂM LÂM**

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**


*Lê Thị Hồng Nhung*

*Lê Đức Thành*



*Lê Viết Thành*

**PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG**

**PHÒNG TƯ PHÁP**

**PHÒNG NN & PTNT**



*Nguyễn Quốc Nguyên*



*Trịnh Trọng Thành*



*Lê Ngọc Bình*